

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 86/2022/ST – HNGĐ
Ngày 07 tháng 6 năm 2022
“V/v Yêu cầu ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Tân và bà Phạm Thị Hồng Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Hiếu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 07/6/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2022/TLST–HNGĐ ngày 10/3/2022 về việc “Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 25/5/2022 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** **Chị Bùi Thị H – Sinh năm: 1992**

HKTT: Thôn 9, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An.

Nơi ở hiện tại: Đường B 62, khu phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**** Bị đơn:*** **Anh Đặng Đình T– Sinh năm: 1986**

HKTT: Thôn 9, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt không có lý do.

**** Người làm chứng:*** **Bà Nguyễn Thị Đ (Mẹ đẻ anh Đặng Đình T)– Sinh năm: 1959 - Trú tại: Thôn 9, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị H vắng mặt nhưng trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thị H trình bày:***

Chị Bùi Thị H và anh Đặng Đình T kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 01 người con chung. Tuy nhiên, đến đầu năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất

đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng.

Về con chung: Chị H và anh T có một người con chung là Đặng Đình T – Sinh ngày: 30/10/2013. Từ khi ly thân đến nay con ở với anh T. Nay ly hôn chị H và anh T thỏa thuận tiếp tục để con cho anh T nuôi, chị H thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ: Không có tài sản chung gì và không nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đặng Đình T vắng mặt nên không có ý kiến.*

** Tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng là bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Anh Đặng Đình T là con trai của bà Đ, còn chị H là con dâu. Anh T và chị H kết hôn vào năm 2013, có 01 người con chung là cháu Đặng Đình T. Quá trình chung sống với nhau, vợ chồng anh T chị H thường xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Hiện tại anh T đã đi làm ăn ở tỉnh B nhưng do đi làm nhiều nơi nên anh T không có chỗ ở ổn định nên bà Đ không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở đâu. Anh T có gọi điện về trao đổi với bà Đ về việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H. Tuy nhiên, do điều kiện ở xa và tình hình dịch bệnh phức tạp nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt. Về con chung: Anh T và chị H thống nhất để anh T nuôi con Đặng Đình T – Sinh ngày: 30/10/2013, hiện nay anh T đi làm ăn xa nên đang gửi con cho bà Đ nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, cháu Đặng Đình T vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cháu Đặng Đình T trình bày:* Hiện nay bố mẹ ly hôn nên cháu có nguyện vọng được ở với bố là Đặng Đình T.

** Tại phiên Tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, và xét xử. Bị đơn đã được tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Đặng Đình T.

+ Về con chung: Giao con chung là Đặng Đình T – Sinh ngày: 30/10/2013 cho anh Đặng Đình T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

+ Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị H có đơn yêu cầu không hòa giải nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An không tiến hành hòa giải. Anh Đặng Đình T vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ liên quan trong vụ án ly hôn giữa chị H và anh T cho bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ của anh T và bà Đ đã báo lại cho anh T biết. Mặc dù, anh T biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị H nhưng anh T không về và không cung cấp địa chỉ cư trú, nơi làm việc cho chị H và Tòa án biết. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Còn chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T và chị H theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị H và anh Đặng Đình T kết hôn với nhau vào năm 2013 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân tự nguyện, hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc và sinh được 01 con chung, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị Hường đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt tại địa phương, mặc dù anh T đã biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị H. Tòa án đã

tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các tài liệu cho anh T nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để giải quyết. Thông qua bà Nguyễn Thị Đ, anh T đồng ý ly hôn với chị H. Việc anh T không về để giải quyết vụ án theo giấy báo triệu tập của Tòa án và không cung cấp địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, cùng nhau chăm lo cuộc sống. Nhưng giữa chị H và anh T đã sống ly thân một thời gian dài, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó, hôn nhân giữa chị H và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của anh T là đồng ý ly hôn với chị H.

[2.2]. Về nuôi con chung:

Vợ chồng chị Bùi Thị H và anh Đặng Đình T có 01 con chung là Đặng Đình T – Sinh ngày 30/10/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con ở với anh T. Do anh T đi làm ăn xa nên gửi con cho bà Nguyễn Thị Đ nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị H và anh T thống nhất để anh T nuôi con. Vì vậy, việc giao cháu Đặng Đình T cho anh Đặng Đình T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng con và của các đương sự.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho con chưa thành niên.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ:

Chị Bùi Thị H, anh Đặng Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Về án phí cấp dưỡng nuôi con, do chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên chị H không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, điểm b, khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2/ Tuyên xử:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Đặng Đình T.

*** Về nuôi con chung:** Giao con chung là Đặng Đình T – Sinh ngày 30/10/2013 cho anh Đặng Đình T trực tiếp nuôi dưỡng

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Chị Bùi Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đặng Đình T – Sinh ngày 30/10/2013 là 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng/Một tháng) đến khi con đủ 18 tuổi (trưởng thành) hoặc khi có quyết định khác thay thế.

(Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở).

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn *(Đã nộp ngày 10/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).*

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND A;
- Chi cục THADS A;
- UBND xã P, huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

